

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày 22 - 9 - 2020

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
đòi tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Quốc Tiến

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Hưng - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Trong các ngày 17 và ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Tống Mỹ D**; sinh năm: 1964, (có mặt).

Địa chỉ: Số 19 L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị U**; tên gọi khác: Ng; sinh năm: 1970, (có mặt).

Địa chỉ: Số 743F Ng, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn là bà Tống Mỹ D: Giữa bà D với bà Nguyễn Thị U có mối quan hệ quen biết nhau nên bà D có cho bà U mượn tiền và vàng nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 11/3/2018 bà D và bà U ghi biên nhận xác nhận nợ: số tiền là 725.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng); Vàng 05 chỉ 9999 (01 chiếc nhẫn); Vàng thẻ SJC 03 lượng mượn ngày 28/02/2018 (âm lịch); Tiền cầm đồ 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi trả cho tiệm cầm đồ

Thúy Quỳnh 12.500.000 đồng tổng cộng 137.500.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng);

- Ngày 27/6/2018 tiền bà U mượn bà D trả lười cào 120.760.000 đồng.

- Ngày 27/7/2018 biên nhận mượn 200.000.000 đồng hẹn 12/8/2018 sẽ thanh toán, bà U đã trả còn lại vốn 128.000.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu đồng);

- Tiền mượn chuộc 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt 1.440.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng);

Tổng số tiền là 2.551.260.000 đồng (hai tỷ năm trăm năm mươi một triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng) và 05 chỉ vàng 9999, 3 lượng vàng SJC loại vàng thẻ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn- bà Nguyễn Thị U trình bày: Bà U thừa nhận có nợ bà D các khoản tiền và vàng sau:

+ Tiền vay nhiều lần năm 2018 tổng cộng là 725.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng); Vàng 05 chỉ 9999 (01 chiếc nhẫn); Vàng SJC 03 lượng; Tiền vay 200.000.000 đồng đã trả còn lại 128.000.000 đồng; Tiền cầm đồ 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) (cầm chiếc lắc vàng 24k) và tiền lãi đã trả cho tiệm cầm đồ Thúy Quỳnh 12.500.000 đồng tổng cộng 137.500.000 đồng; Tiền vay 1.440.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Tiền bà U nhờ bà D trả dùm tiền mua lười cào 120.760.000 đồng.

Tổng cộng nợ số tiền bà U nợ bà D là 2.551.260.000 đồng (hai tỷ năm trăm năm mươi một triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng) và 3,5 lượng vàng (trong đó 05 chỉ vàng 9999, 3 lượng vàng SJC).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn - bà Tống Mỹ D khởi kiện bị đơn - bà Nguyễn Thị U có địa chỉ cư trú tại 743F Ng, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang yêu cầu trả số tiền, vàng đã mượn. Nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2]- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Tống Mỹ D: Giữa bà Tống Mỹ D và Nguyễn Thị U thống nhất lời khai bà U có vay tiền bà D nhiều lần tổng số tiền vay là 2.551.260.000 đồng (hai tỷ năm trăm năm mươi một triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng) và 05 chỉ vàng 9999, 3 lượng vàng SJC cụ thể: Tiền vay năm 2018: 725.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng); Tiền trả dùm cho tiệm cầm đồ Thúy Quỳnh: 137.500.000 đồng (một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm ngàn đồng);

Tiền vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) đã trả còn lại 128.000.000 đồng (một trăm hai mươi tám ngàn đồng); Tiền vay chuộc 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt 1.440.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng); Tiền trả dùm mua lưới cào: 120.760.000 đồng (một trăm hai mươi triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng); Vàng 05 chỉ 9999 (01 chiếc nhẫn); 03 lượng vàng thẻ SJC. Khi vay mượn tiền, vàng hai bên có lập biên nhận nợ và bà U ký tên xác nhận.

- Bà U trình bày mục đích vay số tiền, vàng của bà D là để dùng vào việc mua cặp ghe cào đánh bắt ngoài ra không sử dụng mục đích gì khác và xác định đây là nợ vay riêng sử dụng công việc cá nhân không liên quan trách nhiệm chồng bà hay ai khác. Bà D cũng chỉ khởi kiện yêu cầu bà U thanh toán toàn bộ nợ vay, vì bà U là người nhận tiền ký biên nhận nợ nên bà U phải có nghĩa vụ trả. Căn cứ quy định pháp luật tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc vay mượn tiền, vàng giữa bà D với bà U đủ các điều kiện để giao dịch có hiệu lực. Bà U là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên phải chịu trách nhiệm đối với giao dịch mà bà xác lập. Căn cứ Điều 166; Điều 463; Điều 465 Bộ luật dân sự 2015 quy định về quyền đòi lại tài sản, hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ của bên vay buộc bà U trả cho bà D số tiền vay 2.551.260.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999, 3 lượng vàng thẻ SJC theo yêu cầu khởi kiện là phù hợp. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà U cũng đồng ý trả nợ theo khởi kiện của bà D.

[3]- Xét yêu cầu tính lãi suất vay: Bà D xác định đây là tiền, vàng cho bà Út mượn không tính lãi, còn bà U cho rằng khi vay có thỏa thuận lãi suất 100.000.000 đồng trả lãi 5.000.000 đồng/tháng (lãi suất 5% /tháng). Các bên yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo quy định pháp luật và xác định ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 30/8/2018 tính đến ngày xét xử (17/9/2020) là 24 tháng 17 ngày. Do bà D và bà U không thống nhất với nhau mức lãi suất vay nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Lãi suất được tính như sau:

$$[(\text{Tiền vay } 2.551.260.000 \text{ đồng} \times \text{lãi suất } 0,83\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng } 17 \text{ ngày}) = 520.209.000 \text{ đồng (năm trăm hai mươi triệu hai trăm lẻ chín ngàn đồng)}.$$

- Đối với lời khai của bà U đã trả tiền lãi cho bà D là 5.000USD và 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), bà D không thừa nhận sự việc này và bà U cũng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh nên Tòa án không có cơ sở xem xét để chấp nhận lời khai bà U.

Như vậy, tổng số tiền và vàng buộc bà U phải trả cho bà D là:

- Tiền vay: vốn và lãi tổng cộng là 3.071.469.000 đồng (ba tỷ không trăm bảy mươi một triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn đồng), (trong đó tiền vốn vay là 2.551.260.000 đồng, tiền lãi là 520.209.000 đồng).

- Vàng: 05 chỉ vàng 9999 và 3 lượng thẻ vàng SJC.

[4] Đối với yêu cầu thanh toán nợ: Bà D yêu cầu bà Út thanh toán nợ trong vòng 01 tháng kể từ ngày xét xử trả 50% số tiền và vàng, số còn lại thanh toán trong 04 tháng, bà U không thống nhất yêu cầu này và chưa xác định được thời gian thanh toán nợ cụ thể. Xét các bên không thống nhất với nhau về phương thức thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận. Mặt khác, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo hướng dẫn tại mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án. Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự có quyền làm đơn gửi Chi cục thi hành án có thẩm quyền để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên bà Út phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật. Án phí phải chịu trên số tiền vay 3.071.469.000 đồng và án phí phải chịu trên số vàng phải trả (05 chỉ vàng 9999 và 3 lượng vàng SJC ngày 22/9/2020 \Leftrightarrow 192.000.000 đồng) là: $[(72.000.000 \text{ đồng} + (2\% \times 1.263.469.000 \text{ đồng})) = 97.268.000 \text{ đồng}$ (chín mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

- Bà D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.660.000 đồng (bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: **0005936** ngày **17/6/2019** của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 91; Điều 93; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117; Điều 166; Điều 357; Điều 463; Điều 465; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm đ mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Tống Mỹ D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản đối với bị đơn- bà Nguyễn Thị U (tên gọi khác Ng)

Buộc bà U (Ng) trả cho bà D tiền vay vốn và lãi là 3.071.469.000 đồng (ba tỷ không trăm bảy mươi một triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn đồng); Vàng 05 chỉ vàng 9999 và 3 lượng vàng SJC.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà U không thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà U phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật là 97.268.000 đồng (chín mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Bà D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.660.000 đồng (bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: **0005936 ngày 17/6/2019** của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2020).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKS Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THADS Tp. Rạch Giá;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trần Mộng Thúy

